

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Số: /2023/TT-BGTVT

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư 14/2015/TT-BGTVT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

1. Điểm d, Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.”

2. Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế (ATD) muộn từ 15 phút trở lên so với phép bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp”.

3. Khoản 3 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Chuyến bay bị hủy là chuyến bay không được thực hiện trong khi lịch bay của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống đặt chỗ, bán vé của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ dự kiến khởi hành.”

4. Khoản 5 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Chuyến bay khởi hành sớm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế (tính từ thời điểm rút chèn tàu bay) sớm hơn thời gian dự kiến khởi hành theo phép bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp.”

5. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp

1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không miền Bắc, Cảng vụ hàng không miền Trung hoặc Cảng vụ hàng không miền Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận.

2. Doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không miền Bắc, Cảng vụ hàng không miền Trung hoặc Cảng vụ hàng không miền Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cảng vụ hàng không nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hàng không nhận hồ sơ có văn bản đề nghị doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

4. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

5. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp do Cảng vụ hàng không cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

6. Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay hoạt động đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo Giấy chứng nhận đã được cấp.”

7. Thay thế các Phụ lục IX, X ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 tương ứng với các Phụ lục I, II ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Bổ sung các Phụ lục XIII, XIV, XV vào Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 tương ứng với các Phụ lục III, IV, V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 14/2015/TT-BGTVT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về

việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Bồi thường ứng trước không hoàn lại” là việc bồi thường bằng tiền hoặc bằng các hình thức phù hợp khác mà người vận chuyển phải trả cho hành khách trong các trường hợp theo quy định của pháp luật không phụ thuộc vào việc xác định mức thiệt hại thực tế của hành khách.

2. “Hành khách bị từ chối vận chuyển” là hành khách đã có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng bị người vận chuyển từ chối vận chuyển.

3. “Thời gian khởi hành thực tế (ATD)” là thời điểm bắt đầu tính từ lúc rút chèn (chock-off).

4. “Chuyến bay bị hủy” là chuyến bay không được thực hiện trong khi lịch bay của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống đặt chỗ, bán vé của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ dự kiến cất cánh.

5. “Chuyến bay bị chậm kéo dài” là chuyến bay có giờ khởi hành thực tế muộn hơn 4 giờ so với thời gian dự kiến khởi hành so với phép bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp.

6. “Người vận chuyển” là hãng hàng không khai thác thực tế các chuyến bay.

7. “Xác nhận chỗ” là việc người vận chuyển xác nhận hành khách đã có chỗ trên chuyến bay.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam

1. Bổ sung Khoản 6B, Điều 4 như sau:

“6B. Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo số liệu đến Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không gồm:

Báo cáo số liệu chậm, hủy chuyến các hãng hàng không Việt Nam tại cảng hàng không, sân bay (hàng ngày) theo Mẫu CHK-01 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này: số liệu từ 00 giờ 00 đến 23 giờ 59 (giờ địa phương), báo cáo trước 15 giờ 00 ngày kế tiếp của ngày thực hiện báo cáo.”

2. Thay thế Mẫu HK-3 của Phụ lục bằng Mẫu HK-3 tại Phụ lục VII.

3. Thay thế Mẫu CV-5 của Phụ lục bằng Mẫu CV-5 tại Phụ lục VIII.

4. Sửa đổi Mục II, Hướng dẫn báo cáo Mẫu HK6 tại Phụ lục như sau:

“II. Một số thuật ngữ dùng trong báo cáo:

1. Thời gian cất cánh thực tế (ATD): Là thời điểm bắt đầu tính từ lúc rút chèn (Chock-off).

2. Chuyến bay bị chậm: Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế (ATD) muộn từ 15 phút trở lên so với phép bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp.

3. Chuyến bay bị hủy: là chuyến bay không được thực hiện trong khi lịch bay của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống đặt chỗ, bán vé của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ dự kiến khởi hành.

4. Ngày báo cáo: là ngày thực hiện việc báo cáo đến Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không.

5. Thời điểm báo cáo: trước 15h00 hàng ngày theo giờ địa phương.

6. Nội dung báo cáo: các hãng hàng không Việt Nam thực hiện việc báo cáo chi tiết số liệu chậm, hủy chuyến từng các cảng hàng không tại Việt Nam và tổng số liệu chậm hủy toàn mạng cảng hàng không tại Việt Nam.

8. Kỳ báo cáo: 24 giờ, tính từ 00h00 đến 23h59 theo giờ địa phương.”

CV-5 của Phụ lục bằng các Mẫu tương ứng của các Phụ lục VII, VIII, IX kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Bãi bỏ Phụ lục IV, Phụ lục V Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020.

3. Bãi bỏ Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không và Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

BỘ TRƯỞNG

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các Tổng công ty: Quản lý bay Việt Nam; Cảng hàng không Việt Nam - CTCP; Hàng không Việt Nam - CTCP;
- Cảng HKQT Vân Đồn;
- Các CTCPHK: VietJet, Pacific Airlines, Tre Việt, Lữ hành Việt Nam;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VT.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục IX**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XUẤT VẬN ĐƠN
HÀNG KHÔNG THỨ CẤP**

(Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình)

Kính gửi:

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại: Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp Việt Nam (nêu rõ tên tổ chức, cá nhân).

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận

hàng hoá bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao chứng thực đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp;
- Bản sao mẫu vận đơn thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận;
- Biên lai nộp lệ phí.

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục IX**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG
KHÔNG THỦ CẤP**

(Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài)

Kính gửi:.....

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp):
.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp Việt Nam đã hoàn thành thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài trên cơ sở thoả thuận ký ngày ... tháng ...năm.....

Giữ

Tên Công ty

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số: ngày/...../.....

do cấp với ngành nghề

Và

Tên doanh nghiệp giao nhận nước ngoài

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do:..... cấp ngày thángnăm tại.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không của doanh nghiệp Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao có chứng thực đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp;

- Bản sao mẫu vận đơn thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

- Biên lai nộp lệ phí.

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục XIV

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-CHK

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp/đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài

Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

1. Tên doanh nghiệp.....
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do cấp.... /.../...
- 3.Địa chỉ trụ sở chính:
4. Lĩnh vực hoạt động chính:.....
5. Phạm vi hoạt động.....
6. Trách nhiệm của Công ty được cấp Giấy chứng nhận:
7. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,...;

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục XIII

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT
NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-CHK

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG BÁN VÉ/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Cấp lần đầu ngày.....tháng.....năm... Cấp lại lần thứ.....ngày.....tháng...năm...

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ.....;

Căn cứ.....;

Căn cứ.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép hãng hàng không:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Lĩnh vực hoạt động chính:.....

được thành lập Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện tại.....

Điều 2. Tên Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện

- Tên Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện:.....

- Tên viết tắt:.....

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Điều 3. Địa chỉ đặt Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện:.....

.....

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện

- Họ và tên:.....

- Quốc tịch:

- Số hộ chiếu:.....do.....cấp ngày.../.../.....

Điều 5. Phạm vi hoạt động của Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện

1.

2.

Điều 6. Trách nhiệm của hãng hàng không được cấp Giấy phép

1.

2.

Điều 7. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục XV

Tên doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không/ hoặc doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO
KẾ HOẠCH KHAI THÁC ĐỘI TÀU BAY.....¹**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Thực hiện quy định tại Điều 3 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 30 tháng 12 năm 2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung,² thông báo Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN) Kế hoạch khai thác đội tàu bay của chúng tôi như sau:

I. Dự báo nhu cầu của thị trường vận chuyển hàng không nội địa, quốc tế, từng đường bay (dự kiến khai thác):

II. Dự kiến mạng đường bay; sản lượng vận chuyển, luân chuyển (hành khách, hàng hóa); hệ số sử dụng tải; thị phần của hãng trên toàn mạng quốc tế, nội địa và trên từng đường bay:

III. Số lượng theo loại tàu bay dự kiến khai thác toàn mạng; loại tàu bay dự kiến khai thác trên từng đường bay:

IV. Kế hoạch đảm bảo nguồn lực (nhân lực, tài chính) để khai thác, bảo dưỡng đội tàu bay:

Trên đây là Kế hoạch khai thác đội tàu bay của (Tên doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không/ hoặc doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung).

Trân trọng./.

Tài liệu gửi kèm theo:

-
-

Ngày tháng năm

Người đại diện theo pháp luật

(Ký/đóng dấu)

¹ hàng năm (ghi rõ năm)/ hoặc trung hạn (5 năm: từ năm ... đến năm ...) hoặc dài hạn (10 năm: từ năm...đến năm..).

² Tên doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không/ hoặc doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung.

muộn											
HỦY CHUYỂN											
1. Thời tiết											
2. Kỹ thuật											
3. Thương mại											
4. Khai thác											
5. Lý do khác											

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO MẪU CHK-01

Báo cáo tổng hợp số liệu chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam tại cảng hàng không, sân bay (hàng ngày)

I. Yêu cầu:

- Số liệu báo cáo là tổng hợp số liệu chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam xuất phát từ Cảng hàng không, sân bay, diễn ra trong một ngày.
- Mốc thời gian lấy số liệu: 24 giờ, tính từ 00 giờ 00 ngày hôm trước đến 23 giờ 59 ngày báo cáo theo giờ địa phương.
- Kỳ hạn nộp báo cáo: trước 15 giờ 00 ngày kế tiếp của ngày thực hiện báo cáo.

II. Một số thuật ngữ dùng trong báo cáo:

1. Thời gian cất cánh thực tế (ATD): là thời điểm bắt đầu tính từ lúc rút chèn (Chock-off).

2. Chuyến bay bị chậm: Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế (ATD) muộn từ 15 phút trở lên so với phép bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp.

3. Chuyến bay bị hủy: là chuyến bay không được thực hiện trong khi lịch bay của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống đặt chỗ, bán vé của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ dự kiến khởi hành.

1. Thời tiết											
2. Kỹ thuật											
3. Thương mại											
4. Khai thác											
5. Lý do khác											

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO MẪU HK-3

Báo cáo tổng hợp số liệu chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam

I. Yêu cầu:

Số liệu báo cáo là tổng hợp số liệu chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam xuất phát từ các Cảng hàng không, sân bay, diễn ra trong một tháng dương lịch.

II. Một số thuật ngữ dùng trong báo cáo:

1. Thời gian cất cánh thực tế (ATD): là thời điểm bắt đầu tính từ lúc rút chèn (Chock-off).

2. Chuyến bay bị chậm: Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế (ATD) muộn từ 15 phút trở lên so với phép bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp.

3. Chuyến bay bị hủy: là chuyến bay không được thực hiện trong khi lịch bay của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống đặt chỗ, bán vé của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ dự kiến khởi hành.

2. Kỹ thuật											
3. Thương mại											
4. Khai thác											
5. Lý do khác											

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO MẪU CV-5

Báo cáo tổng hợp số liệu chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam tại cảng hàng không, sân bay

I. Yêu cầu:

- Số liệu báo cáo là tổng hợp số liệu chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam xuất phát từ Cảng hàng không, sân bay, diễn ra trong một tháng dương lịch.

- Mốc thời gian lấy số liệu: Từ ngày 01 đến ngày cuối tháng.

- Kỳ hạn nộp báo cáo: 10 giờ 00 ngày 05 tháng kế tiếp.

II. Một số thuật ngữ dùng trong báo cáo:

1. Thời gian cất cánh thực tế (ATD): là thời điểm bắt đầu tính từ lúc rút chèn (Chock-off).

2. Chuyến bay bị chậm: Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế (ATD) muộn từ 15 phút trở lên so với phép bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp.

3. Chuyến bay bị hủy: là chuyến bay không được thực hiện trong khi lịch bay của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống đặt chỗ, bán vé của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ dự kiến khởi hành.